

KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở MỘT SỐ QUỐC GIA TRÊN THẾ GIỚI VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

PGS. TS. Bùi Thị Nga,
Học viện Nông nghiệp Việt Nam
ĐT: 0918839181

Email: Btnga@vnua.edu.vn/hieu0306@gmail.com

Mục lục

Đặt vấn đề.....	2
1. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã ở một số quốc gia trên thế giới.....	2
1.1. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Israel.....	2
1.2. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Ấn Độ.....	4
1.3. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Đức.....	5
1.4. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Mỹ.....	6
1.5. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Thụy Điển.....	7
1.6. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Hà Lan.....	8
1.7. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Nhật Bản.....	9
1.8. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Hàn Quốc.....	11
2. Bài học kinh nghiệm cho phát triển HTX ở Việt Nam.....	11
2.1. Thiết lập cơ cấu tổ chức HTX phù hợp.....	11
2.2. Tận dụng và khai thác thế mạnh của các thành phần kinh tế trong xã hội.....	13
2.3. Thực hiện hỗ trợ thị trường tiêu thụ sản phẩm của nông dân.....	14
2.4. Phát triển HTX nông nghiệp gắn với các hoạt động xã hội vùng nông thôn.....	16
2.5. Tăng cường vai trò của nhà nước trong hỗ trợ khởi nghiệp trong HTX nông nghiệp.....	16
Tài liệu tham khảo.....	17

Đặt vấn đề

Theo liên minh Hợp tác xã quốc tế ICA (2021), trên thế giới có hơn 12% số lao động là thành viên của gần 3 triệu hợp tác xã (HTX). Trong đó, 300 hợp tác xã lớn nhất thế giới có tổng doanh thu là 2,146 tỷ USD. Các hợp tác xã đã đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế bền vững và tạo việc làm ổn định cho khoảng 280 triệu người trên toàn cầu, hay nói cách khác là 10% dân số có việc làm trên thế giới. Báo cáo giám sát của tổ chức này năm 2015 (World co-operatives Monitor, 2017) cho thấy số liệu giám sát của 2.379 HTX trên toàn thế giới, bao gồm 1449 HTX tại Châu Âu, 702 HTX tại châu Mỹ, 216 HTX tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương, và 12 HTX tại Châu Phi. Trong 8 lĩnh vực hoạt động của HTX thì lĩnh vực trong nông nghiệp và thực phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất là 28%, trong đó có tới 1.436 tổ chức có doanh thu lớn hơn 100 triệu đô la Mỹ.

Ngay cả ở các nước phát triển như Cộng đồng chung châu Âu, có tới 250 ngàn HTX với số thành viên là 163 triệu, chiếm 1/3 dân số và tạo việc làm cho 5,4 triệu lao động. Trong đó, năm 2017, HTX nông nghiệp chiếm thị phần khá lớn ở các quốc gia thành viên này như 83% ở Hà Lan, 79% ở Phần Lan, 55% ở Ý, và 50% tại Pháp (Virak Chom, 2017).

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra mạnh mẽ như hiện nay, việc tìm hiểu, nghiên cứu kinh nghiệm về phát triển HTX của các nước trên thế giới, nhất là các nước châu Á sẽ giúp cho việc tổng kết kinh nghiệm của các nước, từ đó có thể vận dụng và đề xuất giải pháp thích hợp cho việc phát triển HTX ở Việt Nam.

1. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã ở một số quốc gia trên thế giới

1.1. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Israel

Israel là một quốc gia được đánh giá là thành công với mô hình quốc gia khởi nghiệp. Chỉ với 8,873 (Russell A. Stone, 2020) triệu dân song Israel đã luôn dẫn đầu trong lĩnh vực khởi nghiệp công nghệ cao, đạt tỷ lệ 1 start-up trên mỗi 1.400 dân, thu hút nhiều nhà đầu tư đến từ nhiều quốc gia khác nhau, trong đó có cả các nhà đầu tư lớn từ Trung Quốc và Nhật Bản.

Israel là một nước nhỏ ở Trung Đông có điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt, 2/3 diện tích lãnh thổ là sa mạc, còn lại là đồi núi đá trọc, khí hậu nơi đây cực kỳ khô hạn không thích hợp cho nông nghiệp. Khoảng một phần tư diện tích Israel là đất nông nghiệp. Mặc dù lao động trong nông nghiệp chỉ chiếm 3,7% tổng lực lượng lao động trong nước, Israel tự sản xuất được 95% nhu cầu thực phẩm, phần còn lại được bổ sung từ việc nhập khẩu ngũ cốc, các loại hạt lấy dầu, thịt, cà phê, ca cao, đường. Tổng diện tích đất canh tác đã tăng từ 1.650 km² (năm 1948) lên 4.300 km² hiện nay, số cộng đồng nông nghiệp tăng từ 400 lên 725. Sản lượng nông nghiệp tăng 16 lần, nhanh gấp 3 lần tốc độ tăng dân số (Russell A. Stone, 2020).

Israel là nơi khai sinh ra hai loại hình cộng đồng nông nghiệp độc đáo, cộng đồng hợp tác xã Kibbutz và Moshav (Russell A. Stone, 2020 ; FAO, 2013), tương đối giống như

mô hình hợp tác xã nông nghiệp của Việt Nam trước khoán 10. Kibbutz theo tiếng Do Thái có nghĩa là "tổ hợp" hay là "hợp tác xã", một hình thức tổ chức kinh tế nông - công nghiệp nông thôn độc nhất vô nhị trên thế giới đang tồn tại ở Israel. Kibbutz được hình thành từ năm 1949 và tồn tại cho đến ngày nay.

Hiện nay trên toàn đất nước Israel có khoảng 270 Kibbutz, trung bình mỗi Kibbutz này có trên dưới 300 xã viên, hoạt động tương tự như nhau, sở hữu những cánh đồng trồng cây nông nghiệp, trại chăn nuôi gia súc, các nhà máy chế biến sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nhẹ như sản xuất bột giặt, đồng hồ đo nước xuất khẩu, van và khớp nối ống nước... Kiến trúc Kibbutz theo hình tròn, tâm điểm là các công trình công cộng. Tòa đều ra từ trung tâm là các hộ dân, mỗi hộ được chia 4,5 ha đất. Phần giáp trung tâm là nhà ở, phía sau là đất canh tác hay chăn nuôi. Lãnh đạo Kibbutz gồm một hội đồng 21 người do tất cả xã viên trên 18 tuổi bầu, Hội đồng bầu chọn chủ nhiệm. Chủ nhiệm là người duy nhất có lương, chịu trách nhiệm điều phối mọi hoạt động của Kibbutz trong nhiệm kỳ 4 năm.

Kibbutz là mô hình kinh tế đặc biệt với đặc trưng theo nguyên nghĩa "làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu", trong đó tài sản và các phương tiện sản xuất được sở hữu chung và mọi quyết định được hội đồng các thành viên bỏ phiếu tán thành. Trong Kibbutz, các thành viên có trách nhiệm và tận tụy với cộng đồng, mặt khác họ được đáp ứng mọi nhu cầu từ lúc sơ sinh đến khi về già. Mọi thành viên thuộc gia đình các xã viên Kibbutz đều được ăn miễn phí hàng ngày hai bữa sáng và trưa tại một bếp ăn tập thể ở giữa làng tổ chức theo hình thức phục vụ món ăn tự chọn, riêng bữa tối, các gia đình tổ chức ăn ở nhà để cho gắn bó tình cảm giữa các thành viên trong gia đình mình.

Các xã viên Kibbutz không cần phải mua xe ô tô riêng. Mỗi Kibbutz đã mua khoảng 60 ô tô con các loại để tại một bãi xe có người trông coi. Nếu xã viên nào cần dùng xe, chỉ việc vào website của Kibbutz rồi tìm chọn những xe nào còn rỗi thì cứ việc tới bãi xe lấy chìa khoá ô tô mình cần để dùng thoải mái theo nhu cầu. Xăng, sửa chữa và các chi phí khác cho xe do Kibbutz chịu trách nhiệm. Trường hợp cần xe lớn hơn những chiếc xe có sẵn, xã viên có thể yêu cầu ban quản lý xe đi thuê theo yêu cầu của mình, Kibbutz sẽ thanh toán cho tiền thuê đó. Kibbutz xây dựng và cấp miễn phí nhà ở cho các gia đình xã viên. Khi cần xây dựng mở rộng và cải tạo theo ý mình, chủ nhà trao đổi với ban quản trị sẽ có đội xây dựng đến thực hiện theo yêu cầu của chủ nhà, Kibbutz thanh toán chi phí.

Kibbutz cấp miễn phí hoặc trả toàn bộ tiền điện, nước, gas cho các gia đình xã viên. Con em xã viên được Kibbutz cấp học bổng toàn phần cho thời gian học 12 năm phổ thông và đại học trong nước. Khi các xã viên và con cái họ ốm đau, Kibbutz chịu trách nhiệm thanh toán hoàn toàn mọi chi phí về y tế căn cứ vào thực tế chữa bệnh theo nhu cầu.

Xã viên Kibbutz được nghỉ hưu theo qui định chung của nhà nước ở tuổi 69 đối với nam giới, 67 đối với nữ giới. Nhưng ở Kibbutz nếu muốn, xã viên có thể tiếp tục làm việc trong thời gian tùy thích. Khi tuổi già, sức yếu hoặc bệnh tật, xã viên được đến trại dưỡng lão miễn phí hoặc được Kibbutz thuê người lao động nước ngoài đến chăm sóc tại gia đình.

Ngoài các hưởng thụ theo nhu cầu do Kibbutz chi phí, mỗi xã viên được nhận phụ cấp 350 USD/tháng (1.300 shekol/tháng) để chi phí cá nhân. Mức phụ cấp này bằng nhau đối với tất cả mọi người, không phân biệt vị trí công tác của xã viên dù là giám đốc, chủ nhiệm hay người quét rác, trông trẻ.

Moshav cũng là một loại hình hợp tác xã nông nghiệp độc đáo của Israel. Đây là một làng nông nghiệp trong đó mỗi một gia đình đều duy trì trang trại riêng của mình. Hợp tác giữa các thành viên trong Moshav được áp dụng trong việc mua bán, tiếp thị và cung cấp các dịch vụ cho cộng đồng, chính họ cung cấp phần lớn lượng nông sản cho đất nước.

Moshav thực chất là một dạng tổ chức hợp tác xã phức tạp của Israel, bao gồm năm thành tố:

(1) Đây là một tập thể hợp tác toàn diện trên mười lăm phương diện: tín dụng và tiết kiệm, kế toán, hưu trí, bảo hiểm, cung cấp nguyên liệu đầu vào, sản xuất, tưới tiêu, tích trữ hàng, xử lý sản phẩm, tiếp thị, tiêu thụ, xây dựng, nhà ở, vận tải, và các dịch vụ kỹ thuật;

(2) Mỗi Moshav gắn liền với một làng mạc nào đó và mọi dân làng đều là thành viên. Vì vậy, danh tính của Moshav cũng chính là danh tính của một làng cùng toàn thể cộng đồng cư dân;

(3) Moshav cung cấp toàn diện những dịch vụ cần thiết cho cộng đồng, gồm giáo dục, tôn giáo, văn hóa, hoạt động xã hội, phong trào thanh thiếu niên, thể thao, y tế, công viên, xử lý rác thải, ánh sáng công cộng, đường sá, và các tiện ích cho người cao tuổi. Trưởng làng là người chịu trách nhiệm trong cung cấp các dịch vụ cộng đồng này cũng đồng thời là chủ nhiệm hợp tác xã;

(4) Các thành viên trong cộng đồng đều phải tự nguyện sống trong Moshav và tham gia các hoạt động của nó. Tuy nhiên, mỗi cá nhân tự lựa chọn cách thức làm việc của mình trong mọi khía cạnh công việc, làm những gì họ thấy là hợp lý và phù hợp nhất cho khả năng của mình;

(5) Các thành viên trong Moshav chia sẻ trách nhiệm và hỗ trợ lẫn nhau, đặc biệt là khi có khó khăn. Sự chia sẻ trách nhiệm giữa các thành viên cho phép vận hành một cơ chế tín dụng hợp tác, trong đó các thành viên cùng tham gia vay các khoản tín dụng và cùng chia sẻ nghĩa vụ thanh toán.

1.2. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Ấn Độ

Trong quá trình xây dựng và phát triển nền nông nghiệp hiện đại, Ấn Độ coi trọng vai trò của HTX trong nền kinh tế (Rajas, 2019). Liên minh hợp tác xã Quốc gia Ấn Độ (NCUI) là tổ chức cao nhất, đại diện cho toàn bộ hợp tác xã ở Ấn Độ. NCUI có 212 thành viên, gồm 17 liên đoàn hợp tác xã chuyên ngành cấp quốc gia, 171 liên đoàn hợp tác xã thuộc các bang và 24 liên hiệp hợp tác xã đa chức năng cấp quốc gia. Mục tiêu chính của NCUI là hỗ trợ và phát triển phong trào hợp tác xã ở Ấn Độ, giáo dục và hướng dẫn nông dân cùng nhau xây dựng và phát triển hợp tác xã. Nhiệm vụ quan trọng của NCUI là công

tác đào tạo với hệ thống đào tạo 3 cấp: Viện Đào tạo quốc gia có nhiệm vụ đào tạo và cấp bằng cao đẳng về quản lý kinh doanh hợp tác xã; Viện Đào tạo cấp bằng đào tạo và bằng trung cấp về quản lý, kinh doanh hợp tác xã; Trung tâm đào tạo cấp quận, huyện đào tạo cán bộ hợp tác xã cơ sở, đào tạo nghề.

Những lĩnh vực hoạt động quan trọng của khu vực kinh tế hợp tác xã ở Ấn Độ đang nổi lên là hợp tác xã tín dụng nông nghiệp, có tỷ trọng chiếm tới 43% tổng số tín dụng trong cả nước, các hợp tác xã sản xuất đường chiếm tới 62,4% tổng sản lượng đường của cả nước, hợp tác xã sản xuất phân bón chiếm 34% tổng số phân bón của cả nước... Nổi bật hơn cả là Liên hiệp hợp tác xã sản xuất sữa Amul, bang Gujara, được thành lập từ năm 1953. Đây là một liên hiệp sản xuất sữa lớn nhất của Ấn Độ và là một trong những liên hiệp hợp tác xã hoạt động kinh doanh có hiệu quả. Sau gần 50 năm hoạt động, Liên hiệp này có gần 2 triệu cổ phần. Mỗi ngày, Liên hiệp sản xuất 1 triệu lít sữa. Sản lượng sữa do Liên hiệp sản xuất chiếm 42,6% thị phần trong cả nước.

Nhận rõ vai trò của các hợp tác xã chiếm vị trí trọng yếu trong các lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân, Chính phủ Ấn Độ đã thành lập công ty quốc gia phát triển hợp tác xã, thực hiện nhiều dự án khác nhau trong lĩnh vực chế biến, bảo quản, tiêu thụ nông sản, hàng tiêu dùng, lâm sản và các mặt hàng khác, đồng thời thực hiện các dự án về phát triển những vùng nông thôn còn lạc hậu. Ngoài ra, Chính phủ đã thực hiện chiến lược phát triển cho khu vực hợp tác xã như Xúc tiến xuất khẩu; Sửa đổi Luật hợp tác xã, tạo điều kiện cho các hợp tác xã tự chủ và năng động hơn; Chấn chỉnh hệ thống tín dụng hợp tác xã; Thiết lập mạng lưới thông tin hai chiều giữa những người nghèo nông thôn với các tổ chức hợp tác xã; Bảo đảm trách nhiệm của các liên đoàn hợp tác xã đối với các hợp tác xã thành viên.

1.3. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Đức

Hơn 20 triệu người ở Đức là thành viên của các hợp tác xã, tổ chức kinh tế tập thể này hoạt động theo phương châm: “Việc một người không thể hoàn thành một mình thì nhiều người cùng hoàn thành” (Deutschland (2015)).

CHLB Đức được coi là một trong những chiếc nôi đầu tiên của mô hình kinh tế hợp tác xã ở châu Âu. Từ những năm 40 của thế kỷ 19, Friedrich Wilhelm và Schulze-Delitz đã có ý tưởng về mô hình kinh tế hợp tác xã (Deutschland (2015)). Mô hình này ngay sau đó được thành lập và phổ biến ở một số địa phương. Mặc dù là một nước công nghiệp phát triển, trong quá trình phát triển nông nghiệp hiện đại, một nửa diện tích đất phục vụ sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, cả nước Đức có hơn 3000 hợp tác xã, thu hút khoảng 2,2 triệu thành viên. Ngoài dịch vụ cung cấp cho thành viên ra, các hợp tác xã nông nghiệp tạo ra khoảng 150.000 việc làm trực tiếp.

Các hợp tác xã nông nghiệp của CHLB Đức hoạt động đa dạng ở tất cả các lĩnh vực kinh doanh, dịch vụ khác nhau trong ngành nông nghiệp cũng như ở các ngành nghề khác như dịch vụ quản lý chợ, dịch vụ vệ sinh, dịch vụ vật liệu xây dựng, dịch vụ sấy khô, đóng gói sản phẩm, dịch vụ than, dầu đốt, tiết kiệm - tín dụng nội bộ... Trong đó có: Lĩnh vực

dịch vụ nông nghiệp tổng hợp 29,02%, lĩnh vực mua bán nông nghiệp 13,3%, lĩnh vực sữa và sản phẩm sữa 9,44%, lĩnh vực trồng và bảo quản nho 6,96%, lĩnh vực cung cấp nước sạch 4,33%, lĩnh vực chăn nuôi và chế biến sản phẩm thịt 3,07%, lĩnh vực chế biến rau, quả 2,26%, lĩnh vực trồng cỏ và chế biến thức ăn gia súc 2,13%, lĩnh vực cung cấp điện 1,63%, lĩnh vực dịch vụ máy nông nghiệp 1,51%, lĩnh vực thủy hải sản 1,13%, lĩnh vực hoa, cây cảnh 0,94%, lĩnh vực bánh mỳ, bánh ngọt 0,72%, lĩnh vực dịch vụ nhà kho, nhà đông lạnh 0,53%, lĩnh vực chế biến rượu nho 0,31%, và các lĩnh vực khác là 23,7%.

Các hợp tác xã nông nghiệp của Đức hiện đang nắm thị phần cao đối với rất nhiều sản phẩm nông nghiệp quan trọng, chẳng hạn như 70% thị phần sản phẩm thịt chế biến, hơn 60% thị phần của các sản phẩm sữa, hơn 30% thị phần rượu nho... Từ sau chiến tranh thế giới thứ II, cơ cấu kinh tế của Cộng hòa liên bang Đức đã có những thay đổi mạnh. Các ngành công nghiệp và dịch vụ đã thay thế và áp đảo kinh tế nông nghiệp, nông thôn.

Các dịch vụ của hợp tác xã:

- Trước hết, theo truyền thống, các hợp tác xã nông nghiệp của Đức cung cấp các dịch vụ đầu vào như cung cấp dịch vụ thủy nông, điện, cung cấp nguyên vật liệu sản xuất nông nghiệp như hạt giống, cây giống, con giống, phân bón, thuốc trừ sâu, thức ăn gia súc...

- Thứ hai là các dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm. Trong nền kinh tế thị trường, cạnh tranh hàng hoá ngày càng gay gắt. Các sản phẩm nông nghiệp của nông dân cũng không là ngoại lệ. Cũng như những người sản xuất khác, những người nông dân, chủ trang trại rất cần đến các dịch vụ hỗ trợ đầu ra vì tiêu thụ sản phẩm chính là khó khăn lớn nhất, thách thức lớn nhất của người nông dân trong nền kinh tế thị trường. Các hợp tác xã nông nghiệp của Đức đã đặc biệt chú ý đến vấn đề này. Các dịch vụ đầu ra chính của hợp tác xã là hỗ trợ về gia công, chế biến và tiêu thụ các sản phẩm của thành viên với giá tốt nhất, có lợi nhất cho thành viên. Nhiều hợp tác xã nông nghiệp đã xây dựng được các xưởng sản xuất, nhà máy hiện đại để chế biến sản phẩm của nông dân thành các thành phẩm có giá trị thương mại cao.

- Thứ ba là các hợp tác xã nông nghiệp ở CHLB Đức đã rất chú trọng định hướng, tư vấn và hỗ trợ thành viên của mình trong việc trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất, chế biến theo đúng các tiêu chuẩn, qui định cần thiết. Bởi lẽ theo xu thế chung của thị trường, các loại nông sản sinh thái, các sản phẩm lương thực, thực phẩm “sạch” ngày càng được ưa chuộng và có giá trị thương mại cao. Do đó các sản phẩm thịt “sạch”, sữa “sạch”, rau quả “sạch”... mang thương hiệu hợp tác xã đang là những sản phẩm rất có lợi thế trên thị trường tiêu dùng ở Đức, giúp người nông dân tiêu thụ sản phẩm làm ra tốt hơn, hiệu quả hơn, mặc dù cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt hơn.

1.4 Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Mỹ

Theo số liệu thống kê của IWDA (2021), tại Mỹ hiện nay có 29.000 hợp tác xã hoạt động trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Tính trung bình, cứ 3 người lao động Mỹ thì có

một người là thành viên của một HTX trong số 350 triệu thành viên HTX trên toàn thế giới. Các hợp tác xã của Mỹ tạo ra 2 triệu việc làm mỗi năm, đóng góp 652 tỷ đô la doanh thu hàng năm và sở hữu 3 nghìn tỷ đô la tài sản.

Chính phủ Mỹ quan tâm phát triển các HTX Nông nghiệp. Hầu hết trong số 2 triệu nông dân của Mỹ là thành viên hợp tác xã của nông dân, cung cấp 250.000 việc làm và 8 tỷ đô la tiền lương hàng năm cho họ. Bên cạnh các thúc đẩy phát triển các HTX nông nghiệp truyền thống, chính phủ Mỹ cũng quan tâm phát triển các loại hình HTX ở các lĩnh vực khác. Điển hình là lĩnh vực tín dụng và điện. Có 92 triệu người Mỹ sử dụng 7.500 quỹ/tổ chức tín dụng là các hợp tác xã cho các dịch vụ tài chính của họ. Có 42 triệu người Mỹ đã sử dụng dịch vụ điện từ 900 hợp tác xã điện nông thôn ở 47 tiểu bang - chiếm 42% lượng điện phân phối của cả nước và bao phủ 75% diện tích đất đai của Mỹ. Tiếp đến là HTX thuộc lĩnh vực nhà ở và xây dựng. Có 1,2 triệu gia đình Hoa Kỳ thuộc mọi mức thu nhập sống trong những ngôi nhà do các hợp tác xã sở hữu và vận hành. Ngoài ra, có 233 triệu người được phục vụ bởi các HTX bảo hiểm và các HTX bảo hiểm liên kết với các công ty. Ở lĩnh vực điện thoại, có 1,2 triệu người Mỹ nông thôn được phục vụ bởi 260 hợp tác xã điện thoại ở 31 tiểu bang. Ngoài ra, có 50.000 gia đình Hoa Kỳ sử dụng các cơ sở giữ trẻ và trường mầm non của các hợp tác xã.

1.5. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Thụy Điển

Thụy Điển tuy nhỏ bé nhưng là nơi sản sinh ra rất nhiều điển hình khởi nghiệp thành công. Một số ví dụ điển hình có thể kể đến là Spotify, Minecraft hay Candy Crush Saga. Thành công trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp kỹ thuật số của Thụy Điển phải kể đến một nguyên nhân có phần hơi khó hiểu. Đó là thuế suất cao.

Thuế suất cao giúp các doanh nghiệp công nghệ của Thụy Điển được hưởng lợi từ hệ thống cơ sở hạ tầng xã hội mà ít phải chi trả thêm. Thụy Điển là nước có tốc độ truy cập Internet thuộc vào top 3 thế giới, chỉ sau Hàn Quốc và Na Uy. Có đến 95% dân số Thụy Điển sử dụng internet, so với mức chỉ 84% tại Mỹ. Quốc gia này cũng có hệ thống phúc lợi chăm sóc sức khỏe và giáo dục gần như miễn phí, cùng hệ thống an sinh xã hội tốt, giúp các doanh nhân yên tâm chấp nhận rủi ro. Bên cạnh đó, nhiều quy định quản lý của nhà nước đã dần được gỡ bỏ nhờ một loạt cải cách thị trường từ những năm 1990. Các công ty tư nhân được phép tham gia vào nhiều lĩnh vực trước đây nhà nước độc quyền cung cấp như taxi, điện, viễn thông, đường sắt và hàng không. Nhà nước cũng rút lui khỏi các dịch vụ như chăm sóc người già, giáo dục mầm non, tiểu học và trung học. Nhờ đó, thuế suất bắt đầu giảm, đặc biệt thuế doanh nghiệp đã giảm từ 52% vào năm 1990 xuống còn 22%, thấp hơn đáng kể so với mức 38,9% hiện nay của Mỹ. Đặc biệt, đối với các công ty công nghệ lo lắng mức thuế thu nhập cao có thể khiến họ khó khăn trong việc tuyển mộ lao động chất lượng cao, chính phủ sẽ hỗ trợ bằng cách áp dụng mức thuế ưu đãi khi mua cổ phiếu doanh nghiệp, giúp công ty duy trì sức hấp dẫn trước các doanh nghiệp lâu đời.

Yếu tố cuối cùng giúp Thụy Điển thành thiên đường khởi nghiệp, đó chính là niềm tin. Văn hóa công sở của Thụy Điển cho phép tạo lập một niềm tin lớn giữa nhà tuyển dụng và nhân viên. Nhân viên được trao quyền tự chủ, sáng tạo nhiều hơn trong công việc và tự do hợp tác với các đồng nghiệp họ muốn. Niềm tin này cũng được thể hiện qua việc người dân có niềm tin rất lớn vào việc chính phủ thực sự sử dụng tiền thuế để chi tiêu phục vụ người dân. Chế độ thai sản và hậu thai sản của Thụy Điển rất hào phóng, giúp nhân viên cảm thấy yên tâm hơn trong công việc. Niềm tin cũng là yếu tố quan trọng giúp các doanh nghiệp lớn sẵn sàng cộng tác và chia sẻ kinh nghiệm với các doanh nghiệp trẻ, càng tạo động lực cho các doanh nghiệp trẻ sinh ra.

Có thể thấy, sự thành công của Thụy Điển trong việc hỗ trợ khởi nghiệp là hệ quả của quá trình quản trị ngân sách nhà nước tốt, đã giúp xây dựng mạng lưới an sinh xã hội vững chắc giúp người dân yên tâm chấp nhận rủi ro và tự mở doanh nghiệp mới. Đây cũng là một hướng đi rất hiệu quả đối với các quốc gia có dân số thấp và có bộ máy chính phủ đơn giản, minh bạch.

1.6. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Hà Lan

Hà Lan là một nước nhỏ ở Tây Âu, vùng đồng bằng cửa sông Rhine, nhiều nơi thấp hơn mực nước biển nhưng lại là nước công nghiệp phát triển ở trình độ cao, đạt nhiều thành tựu kinh tế-xã hội nổi tiếng thế giới, trong đó có sự phát triển hạ tầng thủy lợi với những công trình vĩ đại đê biển và cửa sông. Họ rất chú trọng các chính sách phát triển nông nghiệp, vì vậy, nền nông nghiệp Hà Lan có sức cạnh tranh cao, phát triển bền vững, có hiệu quả cao nhất và là một trong những nước xuất siêu nông sản trên thế giới (Nguyễn Công Tạn, 2000).

Trong quá trình phát triển nền nông nghiệp Hà Lan, họ rất chú ý các chính sách phát triển các tổ chức Hợp tác xã và các Hiệp hội ngành nghề của nông dân. Các tổ chức và hiệp hội này đóng góp vai trò quan trọng trong quá trình thúc đẩy các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm trong nông nghiệp và giúp nông nghiệp nước họ phát triển. Mặc dù trang trại gia đình là đơn vị cơ bản của sản xuất nông nghiệp Hà Lan, nhưng kể cả các trang trại quy mô lớn đến đâu chẳng nữa, trong biển cả của thị trường, trang trại vẫn chỉ là những hạt cát trên bãi biển. Họ dựa vào hợp tác xã để tiêu thụ sản phẩm của mình. Các trang trại ở Hà Lan liên kết và cùng nhau hợp tác, nâng cao hiệu suất của toàn hệ thống kinh tế. Có các loại hợp tác xã như HTX mua vật tư, tiêu thụ sản phẩm, tín dụng... Các hợp tác xã này đảm bảo cho nông dân yên tâm sản xuất, thực thi chuyên môn hoá, áp dụng công nghệ thâm canh, mở rộng thị phần tiêu thụ sản phẩm, giảm rủi ro, nâng cao sức cạnh tranh (Nguyễn Việt, 2014).

Bộ Nông nghiệp - Nghề cá Hà Lan bao quát toàn hệ thống quá trình "từ đồng ruộng đến bàn ăn", được quản lý thống nhất, vì họ cho rằng mục đích cuối cùng của sản xuất nông nghiệp là thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng. Chính phủ đề ra chính sách thực thi pháp luật, giám sát chất lượng, thúc đẩy liên kết, hợp tác sản xuất – tiêu thụ và thực hiện các

dịch vụ công, phát triển kết cấu hạ tầng, quản lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường v.v.

Nhờ việc đề ra các chính sách thúc đẩy liên kết, hợp tác sản xuất- tiêu thụ nông sản mà nền nông nghiệp Hà Lan phát triển như một kỳ tích với hiệu suất xuất khẩu nông sản đứng đầu thế giới, hiệu suất sản xuất của đất đứng đầu thế giới, nền nông nghiệp được đầu tư cơ sở hạ tầng đứng đầu thế giới.

Từ các chính sách liên kết hợp tác của các nước cho thấy người ta đều rất quan tâm đến các hình thức có hiệu quả cao, trực tiếp tạo ra sự thúc đẩy liên kết trong chuỗi giá trị. Trước hết, về chính sách, họ đã tạo ra được nền tảng pháp lý cần thiết cho các quá trình liên kết. Tiếp đó, các nước đã quan tâm hình thành các chính sách tạo nguồn lực cho phát triển liên kết và hợp tác, trong đó, thông qua liên kết và hợp tác, nguồn lực được tăng cường cho các đối tượng liên kết, tăng hiệu suất của liên kết. Cuối cùng là các chính sách thúc đẩy sự liên kết, tạo động lực cho các thành phần tham gia liên kết nâng cao giá trị gia tăng trong quá trình tạo ra chuỗi giá trị hướng tới tiêu dùng cuối cùng.

1.7. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Nhật Bản

Hợp tác xã nông nghiệp Nhật Bản có vai trò rất quan trọng trong đóng góp phát triển nông nghiệp. Chính phủ Nhật Bản rất coi trọng thể chế HTX và ban hành nhiều chính sách phát triển và mở rộng nhằm thông qua đó có thể giúp người nông dân nâng cao thu nhập (Phùng Quốc Chí, 2007; Nguyễn Thị Hồng Thu, 2014).

Các HTX nông nghiệp ở Nhật Bản ra đời từ thế kỷ 19. HTX sản xuất lụa và chè xuất hiện lần đầu vào những năm 1870-1890. Năm 1900, luật tổ Hợp tác sản xuất được ban hành với qui định 4 nội dung hoạt động chính của các HTX lúc đó gồm cung ứng vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất, tín dụng, tiêu thụ sản phẩm, sử dụng tập thể các máy móc thiết bị. Năm 1920 nhu cầu liên kết và phối hợp toàn quốc xuất hiện, Liên hiệp HTX toàn quốc Nhật Bản đã ra đời (Đặng Kim Sơn và Nguyễn Minh Tiến, 2000).

Tuy nhiên cũng như lịch sử phát triển của các nước nói chung, trước đây các HTX nông nghiệp ở Nhật Bản cũng đối mặt với rất nhiều khó khăn như trình độ quản lý yếu kém, thiếu vốn, thiếu sự trao đổi thông tin giữa các thành viên HTX, chính sách của Chính phủ đối với hoạt động của HTX chưa rõ ràng và chưa mang lại hiệu quả, đất đai của các thành viên HTX rất manh mún, liên kết các hoạt động trong HTX kém hiệu quả... Trong quá trình xây dựng nền nông nghiệp hiện đại, theo Esham (2012) và Daman Prakash (2000) để giải quyết những bất cập nói trên, Chính phủ Nhật Bản đã ban hành các chính sách thúc đẩy HTX phát triển như:

- Chính sách tái cấu trúc tổ chức HTX ;
- Chính sách quy hoạch vùng và theo hướng mỗi làng một sản phẩm (One-village-One product) ;
- Chính sách phát triển khoa học công nghệ ;

- Chính sách phát triển công nghiệp chế biến với mục tiêu đa dạng hóa sản phẩm và tăng giá trị nông sản;
- Chính sách khuyến nông nhằm tăng cường năng lực cho các thành viên của HTX;
- Chính sách tổ chức tiêu thụ nông sản qua chợ đầu giá.

Để HTX hoạt động hiệu quả, với tinh thần chủ đạo là tương trợ lẫn nhau, các hộ xã viên đóng góp cổ phần và thông qua đại hội xã viên bầu ra Ban quản lý HTX. Do tự nguyện liên kết hoạt động một cách có tổ chức, các hoạt động kinh tế của xã viên được HTX quản lý một cách thường xuyên liên tục. Thêm vào đó do nắm vững qui mô buôn bán của xã viên hoặc bằng những thông lệ nhất định, HTX nông nghiệp có thể huy động xã viên giúp đỡ vô điều kiện cho HTX. Một đặc điểm khác nữa là HTX nông nghiệp được xây dựng dựa trên tính lợi thế kinh tế của qui mô. Để thu hút các đối tượng không phải là nông dân, hình thức tổ hợp tác mở được thành lập, thành viên không chính thức là những người sống trong khu vực có HTX, họ được phép tiến hành các dịch vụ và tham gia hoạt động của HTX. Rõ ràng với qui mô nhiều người hợp lại thì hiệu quả kinh tế được phát huy và đây được coi là đặc điểm tổ chức chính của HTX nông nghiệp Nhật Bản.

Một đặc điểm nổi bật khác của HTX nông nghiệp Nhật Bản đó là hình thức hợp tác trong phân phối chứ không hợp tác trong sản xuất. HTX nông nghiệp chịu trách nhiệm thực hiện hai nhiệm vụ chủ yếu: Thứ nhất là cung cấp cho nông dân các yếu tố đầu vào phục vụ sản xuất nông nghiệp như phân bón, hoá chất nông nghiệp, thức ăn, trang thiết bị sản xuất và kỹ thuật cho sản xuất trồng trọt và chăn nuôi gia súc cũng như các hàng hoá cần dùng cho nông hộ. Thứ hai là giúp cho người nông dân tiêu thụ các sản phẩm bằng cách thu gom, bảo quản dự trữ và bán các sản phẩm nông nghiệp và vật nuôi dựa vào mạng lưới tiêu thụ sản phẩm quốc gia và quốc tế.

Mặc dù HTX là một tổ chức kinh tế nhưng đối với các HTX vai trò của các tổ chức đoàn thể (Hội phụ nữ và Đoàn thanh niên) rất được coi trọng minh chứng là Hội phụ nữ có ở hầu hết các HTX nông nghiệp, còn Đoàn thanh niên thì được tổ chức ở nhiều HTX. Đoàn thanh niên tạo điều kiện cho các nông dân trẻ tham gia vào hoạt động giáo dục đào tạo như hoạt động & quản lý trang trại; xu hướng tiêu dùng; các vấn đề nông nghiệp và các chính sách của HTX nông nghiệp cũng như các chương trình trao đổi giữa các HTX nông nghiệp và các hoạt động văn hoá thể thao. Hội phụ nữ sẽ nâng cao vai trò của người phụ nữ, khuyến khích người phụ nữ tham gia vào các hoạt động cộng đồng cũng như quản lý HTX.

Một chính sách đáng lưu ý là quy hoạch vùng và theo hướng mỗi làng một sản phẩm (One village-One product). Các thành viên của HTX được khuyến khích sản xuất những sản phẩm đặc trưng của vùng. HTX cung cấp tất cả các hỗ trợ kỹ thuật và xúc tiến sản phẩm. Đây có thể xem là một trong những chính sách có giá trị thực tiễn hỗ trợ các HTX khởi nghiệp.

1.8. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã của Hàn Quốc

Trước đây, HTX cơ sở cấp xã đã hình thành tự phát nhưng do những hạn chế về quan niệm lịch sử, về hình thức hoạt động, và ảnh hưởng của chiến tranh nên hoạt động của các HTX dần trở nên không phù hợp. Sau nội chiến năm 1961, nhận thấy lực lượng nông dân có ý nghĩa sống còn về kinh tế và chính trị với đất nước, Chính phủ Hàn Quốc đã thiết lập Liên đoàn HTX Nông nghiệp Quốc gia (NACF) dựa trên hai tổ chức hoạt động độc lập lúc đó là Ngân hàng Nông nghiệp và tổ chức HTX cũ (Đặng Kim Sơn, Nguyễn Minh Tiến, 2000). Sau đó, Liên đoàn tiến hành thiết lập mạng lưới HTX từ trung ương xuống cơ sở nhằm thực hiện 2 mục tiêu cơ bản:

- Cung cấp vốn cho nông dân. Trong giai đoạn này, thị trường vốn hoạt động yếu, đặc biệt trên địa bàn nông thôn, nông dân thường phải vay nặng lãi, ảnh hưởng xấu tới sản xuất và đời sống. Chính phủ Hàn Quốc đã ban hành luật cấm cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn và muốn thông qua hoạt động của các HTX nông nghiệp hỗ trợ vốn cho nông dân mua nguồn vật tư nông nghiệp phục vụ sản xuất.

- Tiêu thụ sản phẩm cho nông dân. Để thúc đẩy đa dạng hoá sản phẩm nông nghiệp như một biện pháp nâng cao đời sống của cộng đồng nông thôn, Chính phủ tạo điều kiện cho các HTX nông nghiệp mở rộng vai trò trong hoạt động tiếp thị, tiêu thụ sản phẩm.

Hoạt động của các HTX trong những năm đầu của thập kỷ 1960 không phát triển do 3 nguyên nhân sau:

- Một là việc xây dựng hệ thống HTX là sự áp đặt từ trên xuống, không đáp ứng nhu cầu của nông dân. Việc thành lập NACF không gặp trở ngại do quyết tâm và sự đầu tư tập trung của Chính phủ, tuy nhiên cách làm này không xuất phát từ nhu cầu tự phát của nông dân, họ chưa cảm nhận được sự cần thiết của việc tham gia HTX.

- Hai là trình độ sản xuất thấp. Trong thời kỳ này, sản xuất nông nghiệp Hàn Quốc chưa phát triển, mang tính tự cung tự cấp, sản lượng hàng hoá thấp. Do đó, nhu cầu của nông dân đối với các hoạt động dịch vụ hỗ trợ không cao.

- Ba là qui mô các HTX cơ sở nhỏ. Các HTX cơ sở được thiết lập có qui mô hoạt động nhỏ, thiếu vốn, do đó không thể đóng vai trò chủ đạo và có tác động rõ nét đến hoạt động kinh tế của nông dân.

2. Bài học kinh nghiệm cho phát triển HTX ở Việt Nam

2.1. Thiết lập cơ cấu tổ chức HTX phù hợp

Cơ cấu tổ chức hợp tác xã nông nghiệp ở mỗi nước, mỗi thời điểm khác nhau có những sự khác nhau nhất định. Tuy nhiên, hầu như tất cả (trừ mô hình hợp tác xã nông nghiệp của Israel và CHLB Đức) đều có một điểm chung là phải có được một tổ chức hợp tác xã ở quy mô toàn quốc, chí ít cũng là một tổ chức hợp tác xã ở quy mô vùng. Nói cách khác mỗi nước đều cần hình thành mạng lưới hợp tác xã nông nghiệp ở 2-3 cấp.

Tổ chức hợp tác xã nông nghiệp cấp quốc gia hoặc cấp vùng không phải là cấp trên của các hợp tác xã ở làng, xã mà là tổ chức tạo ra sự hợp tác giữa các hợp tác xã cơ sở với nhau, cũng như tạo ra sự hợp tác giữa các hợp tác xã cơ sở với các tổ chức, doanh nghiệp liên quan. Sự hợp tác này một mặt cung cấp các thông tin thị trường cho người nông dân để họ có thể sản xuất đúng cái mà thị trường cần, nhưng mặt khác sẽ góp phần tạo ra thị trường rộng lớn hơn cho hợp tác xã. Nhờ đó mà nguyên tắc “Lợi thế nhờ qui mô, mua bán sỉ tốt hơn mua bán lẻ” được thực thi một cách có hiệu quả. Nhờ đó các xã viên hợp tác xã nông nghiệp được hưởng lợi cả trong việc mua vật tư đầu vào cho sản xuất lẫn trong việc tiêu thụ nông sản làm ra.

Từ việc hưởng lợi này mà số người tự nguyện tham gia vào các hợp tác xã ngày càng đông và hợp tác xã nông nghiệp ngày càng phát triển bền vững hơn. Ngoài ra, các hợp tác xã nông nghiệp quốc gia hay cấp vùng còn đóng một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển mạng lưới hợp tác xã nông nghiệp trong nước thông qua quá trình định hướng phát triển, qua dịch vụ đào tạo nguồn nhân lực,... và thông qua việc đại diện cho mạng lưới hợp tác xã cả nước tiếp nhận và phản biện chính sách về nông nghiệp và về hợp tác xã từ các cơ quan quản lý nhà nước.

Các tổ chức hợp tác xã nông nghiệp cấp quốc gia hay cấp vùng còn giữ một vai trò cực kỳ quan trọng khi thực hiện hướng dẫn nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ kế toán, tài chính, đồng thời kiểm toán định kỳ cho các hợp tác xã nông nghiệp cơ sở. Chính điều này tạo ra sự minh bạch trong hoạt động của các hợp tác xã nông nghiệp cơ sở và là một trong những điều kiện để các hợp tác xã cơ sở có thể dễ dàng vay được vốn phục vụ cho các hoạt động của mình từ các ngân hàng thương mại. Kinh nghiệm phát triển hợp tác xã nông nghiệp thành công ở các nước cho thấy đây là một trong những nguyên nhân thành công cơ bản của các mô hình này. Trừ những trường hợp đặc biệt như ở CHLB Đức và Israel thì không một đất nước nào có phong trào hợp tác xã nông nghiệp thành công chỉ với việc hình thành duy nhất các hợp tác xã nông nghiệp cơ sở ở cấp thôn, xã hay thị trấn.

Cơ cấu tổ chức của mỗi hợp tác xã nông nghiệp cơ sở về cơ bản ở các nước đều giống nhau. Tất cả các hợp tác xã nông nghiệp thành công đều thực hiện nguyên tắc dân chủ, tránh sự áp đặt của một cá nhân, nhóm xã viên hay một tổ chức nào trong hợp tác xã, đồng thời thực hiện phân phối đều lợi ích thu được. Các hợp tác xã nông nghiệp được thành lập theo nguyên tắc góp cổ phần (như ở CHLB Đức chẳng hạn) thì tỷ lệ cổ phần của các thành viên luôn được duy trì ở mức dưới 3% vốn điều lệ nhằm tránh gây sức ép về vốn trong quá trình hoạt động.

Các hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện (như hợp tác xã nông nghiệp ở Nhật Bản) thì duy trì hình thức chỉ bầu ban quản trị, ban chủ nhiệm và các ban chuyên môn khác từ các xã viên thường xuyên. Điều này vừa nhằm phát huy thế mạnh nông nghiệp địa phương, vừa tránh được sức ép của các thành viên đến từ địa phương khác, khu vực khác (nhất là từ khu vực thành thị) vốn có những thế mạnh lớn hơn cư dân địa phương, nơi hình thành hợp tác xã. Một điều đáng nói nữa là hầu hết các chi phí hoạt động

của các cơ quan quản lý hợp tác xã nông nghiệp đều ở mức thấp nhất có thể. Một số nơi quy định chỉ chủ nhiệm được hưởng lương và làm đủ thời gian, các thành viên quản lý khác đều kiêm nhiệm và hầu hết đều không có lương.

Cơ cấu tổ chức hợp tác xã theo nguyên tắc hợp tác cùng có lợi dựa trên sự tự chủ, sáng tạo của mỗi thành viên cũng được triệt để tôn trọng, góp phần làm nên sự thành công của mô hình hợp tác xã nông nghiệp của nhiều nước trên thế giới. Trừ mô hình Kibbutz của Israel ra, xã viên của tất cả các mô hình hợp tác xã nông nghiệp thành công khác đều tự mình làm chủ tư liệu sản xuất của mình, đều tự do sáng tạo trên mảnh đất của mình dựa trên định hướng phát triển sản xuất được hợp tác xã thống nhất quy định từ các đại hội xã viên. Đây là điều khác căn bản với các hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ của Việt Nam. Điều quan trọng cần được nhấn mạnh là các hợp tác xã nông nghiệp hược hình thành nên để thực hiện những công việc mà bản thân người nông dân không thể tự mình thực hiện được hoặc có thực hiện được chỉ với chi phí cao, hiệu quả thấp. Do vậy bất cứ một cơ cấu tổ chức hợp tác xã nông nghiệp nào tuân thủ triệt để nguyên tắc này đều có thể thành công và phát triển bền vững.

2.2. Tận dụng và khai thác thế mạnh của các thành phần kinh tế trong xã hội

Các mô hình hợp tác xã nông nghiệp thu được nhiều thành công trên thế giới đều biết cách tận dụng thế mạnh liên kết của các đơn vị, tổ chức và các thành phần kinh tế khác nhau trong xã hội. Ngoài việc liên kết với các tổ chức, doanh nghiệp ở các lĩnh vực khác nhau như tín dụng, kinh doanh... việc không hạn chế các thành viên (xã viên) liên kết trong các hợp tác xã nông nghiệp Nhật Bản hay việc coi xã viên là những khách hàng của mình như các hợp tác xã nông nghiệp của CHLB Đức đã tạo ra khả năng tận dụng các thế mạnh đến từ rất nhiều thành phần kinh tế khác nhau trong xã hội.

Chính những thành viên liên kết này vừa chia sẻ kinh nghiệm sản xuất, thông tin trung thực các tín hiệu thị trường góp phần định hướng sản xuất của hợp tác xã, vừa là những tổ chức tiêu thụ sản phẩm của hợp tác xã một cách phù hợp và hiệu quả. Nhờ kết hợp các thông tin thị trường và thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của các thành viên hợp tác xã mà hợp tác xã nông nghiệp có thể thực hiện các dịch vụ hỗ trợ sản xuất từ đầu vào đến khi tiêu thụ sản phẩm của xã viên một cách tốt nhất, hiệu quả nhất, đem lại lợi ích kinh tế cho cả xã viên và hợp tác xã.

Nói cách khác, việc tổ chức thực hiện các dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất của xã viên từ định hướng sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm được thực hiện một cách có hiệu quả nhờ vào sức mạnh liên kết trong nội tại của mỗi hợp tác xã chứ không trông chờ vào những tổ chức bên ngoài, trông chờ vào các loại hợp đồng dịch vụ giữa hợp tác xã với các tổ chức, doanh nghiệp bên ngoài. Cũng chính nhờ vào sức mạnh liên kết nội tại này mà hầu hết các mô hình hợp tác xã nông nghiệp thành công trên thế giới luôn phát triển bền vững, không lo nhiều đến việc hợp đồng dịch vụ bị phá vỡ mỗi khi có biến động của thị trường về giá vật tư đầu vào cho sản xuất hay giá nông sản.

Ngoài ra, việc liên kết chặt chẽ các thành viên trong hợp tác xã nông nghiệp còn tạo ra khả năng tận dụng hết công suất của máy móc, thiết bị, tư liệu sản xuất và cơ sở vật chất sẵn có khiến cho chi phí sản xuất nông sản giảm đến mức thấp nhất có thể, tạo điều kiện nâng cao tính cạnh tranh, khả năng tiêu thụ nông sản và nâng cao lợi ích, thu nhập của xã viên. Làm tốt các dịch vụ hỗ trợ cho sản xuất của xã viên dựa trên sức mạnh nội tại của tổ chức hợp tác xã nông nghiệp là một trong những chìa khóa tạo nên sự phát triển bền vững của mô hình tổ chức này.

2.3. Thực hiện hỗ trợ thị trường tiêu thụ sản phẩm của nông dân

Tiêu thụ sản phẩm do người nông dân làm ra là vấn đề khó khăn, nan giải và cần thiết nhất đối với bất kỳ một tổ chức của người nông dân hoặc một tổ chức muốn giúp đỡ người nông dân nào. Đặc biệt trong hoàn cảnh cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt như hiện nay. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp có tồn tại và phát triển được hay không phụ thuộc rất nhiều vào quá trình hỗ trợ người nông dân tiêu thụ sản phẩm của mình. Rất nhiều mô hình hợp tác xã nông nghiệp thành công trên thế giới đều nhờ giải quyết rất tốt vấn đề này.

Trước hết, các hợp tác xã nông nghiệp đó luôn chủ động trong việc định hướng sản xuất cho các xã viên của mình từ những kỳ họp hội nghị toàn thể hay đại biểu toàn thể nhờ các thông tin thị trường của các xã viên, nhất là các xã viên liên kết hoặc từ các khách hàng của mình và nhờ vào sự miễn cưỡng của đội ngũ lãnh đạo hợp tác xã. Sự liên kết giữa các xã viên trong hợp tác xã nông nghiệp, giữa các hợp tác xã nông nghiệp với nhau và giữa hợp tác xã nông nghiệp với các tổ chức, doanh nghiệp liên quan trong xã hội là những yếu tố quan trọng tạo nên định hướng sản xuất của mỗi xã viên trong các hợp tác xã. Có thể nói rằng mỗi xã viên hợp tác xã trước khi trồng cây gì, nuôi con gì đều biết mình sẽ bán nó ở đâu, bán nó như thế nào nhờ vào các dịch vụ hỗ trợ của hợp tác xã.

Chất lượng sản phẩm (bao gồm cả cách thức và thời điểm giao hàng) và vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất của các xã viên luôn được củng cố và bảo đảm thông qua các dịch vụ hỗ trợ huấn luyện, dịch vụ khuyến nông, thông qua yêu cầu của người tiêu thụ và sự tuân thủ luật pháp... mà họ nhận được từ hợp tác xã của mình và mạng lưới hợp tác xã trong khu vực và của quốc gia, cũng như sự tự nguyện tuân thủ của mỗi xã viên. Mỗi gia đình xã viên đều tuân thủ nghiêm ngặt quy trình sản xuất được đề ra, đồng thời họ đều có những thiết bị kiểm tra chất lượng sản phẩm, những máy móc phân loại, đóng gói sản phẩm... đảm bảo tất cả sản phẩm làm ra đều đạt được chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm ở mức cao nhất có thể.

Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm luôn được sử dụng một cách có hiệu quả nhằm nâng cao tính tự giác, tự chịu trách nhiệm của mỗi xã viên đối với sản phẩm của mình. Thậm chí trong mỗi cửa hàng nông sản ở vùng thôn quê Nhật Bản, gian hàng bán nông sản của mỗi xã viên đều ghi đầy đủ tên, tuổi, hình ảnh của người sản xuất phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc này.

Nhờ vào việc phục vụ nhu cầu cho một số đông xã viên theo nguyên tắc “Lợi thế nhờ qui mô, mua bán sỉ tốt hơn mua bán lẻ” hợp tác xã có thể phối hợp làm tốt tất cả các khâu từ vận chuyển, lựa chọn, đóng gói sản phẩm đến tiêu thụ, thanh toán sau bán hàng và thậm chí là phối hợp nhằm điều chỉnh cung, cầu để ổn định giá cả. Chính điều này khiến cho sản phẩm của xã viên, nhất là những loại sản phẩm dễ thối hỏng như rau, quả, thịt... dễ dàng được tiêu thụ với mức giá hợp lý, hiệu quả cao nhất nhất đối với họ. Không những thế, các hợp tác xã nông nghiệp còn thực hiện dịch vụ thuê hoặc tự mình xây dựng các kho lạnh để tồn trữ nông sản của xã viên ở mức phí tối thiểu trước khi xã viên quyết định bán chúng ở những thời điểm có giá phù hợp nhất.

Dịch vụ hỗ trợ này của hợp tác xã nông nghiệp khiến cho xã viên ngày càng yên tâm hơn trong việc sản xuất, cũng như tham gia vào hợp tác xã. Rất nhiều hợp tác xã nông nghiệp, nhất là các hợp tác xã nông nghiệp ở Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc... còn tổ chức các hoạt động chế biến nông sản tại địa phương. Dịch vụ này vừa có thể nâng cao giá trị gia tăng của nông sản, ổn định cung, cầu qua đó nâng cao thu nhập của xã viên và hợp tác xã, vừa tạo ra những sản phẩm mới, góp phần vào sự đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp và chuyển tải các giá trị văn hóa độc đáo của mỗi địa phương vào từng sản phẩm của xã viên và hợp tác xã.

Những thành công vang dội của phong trào “mỗi làng một sản phẩm” ở nhiều khu vực nông thôn không chỉ ở Nhật Bản một phần là do tổ chức được các hoạt động chế biến nông sản trong khu vực nông thôn thông qua các tổ chức hợp tác xã nông nghiệp hoặc các tổ chức liên kết người nông dân tại địa phương. Không những thế, nhờ vào lợi thế quy mô lớn, giá rẻ nên các sản phẩm chế biến của các hợp tác xã nông nghiệp hoàn toàn có thể cạnh tranh được với các hàng hóa cùng loại của các tổ chức chế biến kinh doanh nông sản khác.

Các hoạt động tín dụng và thanh toán của hợp tác xã nông nghiệp vừa là một dịch vụ hỗ trợ cho xã viên, lại vừa là một công cụ đắc lực trong hoạt động của hợp tác xã. Các hoạt động này giúp cho xã viên có đủ nguồn vốn trong sản xuất, dễ dàng thanh toán trong việc bán sản phẩm làm ra, nhưng cũng giúp hợp tác xã có được nguồn lực quan trọng phục vụ hoạt động của mình từ việc thu phí hoa hồng trong bán sản phẩm.

Ngày nay việc thu phí hoa hồng bán hàng, nhất là dịch vụ bán buôn, bán sỉ được luật hóa không chỉ ở Nhật Bản mà còn ở nhiều nơi khác trên thế giới bao gồm cả các nước trong khu vực như Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia... Rõ ràng là dịch vụ hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm của xã viên vừa là mục đích, vừa là phương tiện của các mô hình hợp tác xã nông nghiệp. Dịch vụ hỗ trợ này phát huy triệt để các mối liên kết trong từng hợp tác xã nông nghiệp, cũng như trong mạng lưới hợp tác xã nông nghiệp của khu vực và trên cả quốc gia, đồng thời tạo nên sức hút của mô hình này đối với người nông dân ở mỗi địa phương.

2.4. Phát triển HTX nông nghiệp gắn với các hoạt động xã hội vùng nông thôn

Không chỉ mô hình hợp tác xã nông nghiệp ở Nhật Bản hay mô hình Kibbutz và Moshav ở Israel chú trọng thực hiện các hoạt động an sinh xã hội trong khu vực nông thôn của mình như các dịch vụ bảo hiểm, phúc lợi xã hội, phúc lợi hưu trí, dịch vụ cưới hỏi, tang ma,... mà hầu như tất cả các mô hình hợp tác xã nông nghiệp thành công trên thế giới, nhất là ở các nước đang phát triển, các nước trong khu vực châu Á và Đông Nam Á đều hướng tới việc thực hiện các hoạt động dịch vụ này. Đây có thể là chất keo kết gắn cộng đồng cư dân nông thôn với nhau trong các hoạt động kinh tế của khu vực nông thôn, làng xã. Nhiều khi những hoạt động phát huy giá trị văn hóa, giá trị nhân văn trong cộng đồng cư dân nông thôn lại là phương tiện hữu hiệu, là con đường ngắn nhất dẫn đến các thành công về mặt kinh tế của các hợp tác xã nông nghiệp ở địa phương. Các hoạt động này có thể dẫn đến những thành công khó ngờ tới mà các mô hình Kibbutz và Moshav ở Israel đã làm được trong thời gian qua.

2.5. Tăng cường vai trò của nhà nước trong hỗ trợ khởi nghiệp trong HTX nông nghiệp

Nhà nước đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc hình thành và phát triển các mô hình hợp tác xã nông nghiệp. Các quốc gia có mô hình này thành công đều coi kinh tế hợp tác xã là một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế quốc dân nói chung và kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói riêng. Hầu hết các quốc gia này đều ban hành bộ luật hợp tác xã từ rất sớm và có tính khả thi cao. Ở CHLB Đức luật Hợp tác xã được ra đời từ năm 1890; Ở Nhật Bản, luật Hợp tác xã cũng ra đời từ năm 1900 và luật Hợp tác xã nông nghiệp được ban hành từ năm 1947 đến nay vẫn còn được tuân thủ, Pháp lệnh Hợp tác xã và luật Hợp tác xã của Malaysia cũng được ban hành từ rất sớm (1922 và 1923),... Luật Hợp tác xã và luật Hợp tác xã nông nghiệp cũng với những bộ luật liên quan đã tạo khung pháp lý điều chỉnh hoạt động của các mô hình hợp tác xã nông nghiệp của mỗi quốc gia.

Mô hình mỗi làng một sản phẩm đã thu hút sự chú ý từ các khu vực thu nhập thấp, nơi họ không thể thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, đặc biệt, và từ những người đang làm việc trong các dự án để xóa đói giảm nghèo. Mô hình khuyến nghị người dân địa phương sử dụng các nguồn lực địa phương của họ để sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao và đưa chúng ra thị trường. Nhiều nhà lãnh đạo đã đến tận Oita để tìm hiểu về phát triển nguồn nhân lực. Yếu tố chính từ mô hình này ở các địa phương là:

- Cư dân địa phương nhận thức được về tiềm năng của chính họ và tài nguyên của địa phương họ

- Nhận thức về kho báu, giá trị truyền thống trong khu vực
- Thúc đẩy liên tục
- Phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao
- Tuân theo một lộ trình bán hàng bảo đảm
- Phát triển nguồn nhân lực

Tài liệu tham khảo

1. Daman Prakash (2000) State of agricultural cooperatives in Asia: an overview, characteristics, and development issues involved, International Cooperative Alliance, 2000 - 96 trang,
2. Đặng Kim Sơn, Nguyễn Minh Tiến (2000), Phát triển HTX và nông hội ở Nhật Bản, Đài Loan và Hàn Quốc, http://agro.gov.vn/vn/chitiet_nghiencuu.aspx?id=506, tải về ngày 13/5/2018
3. Deutschland (2015). Cooperatives in Germany. <https://www.deutschland.de/en/topic/life/society-integration/cooperatives-in-germany>
4. FAO (2013). Agricultural cooperatives in Israel. FAO working paper. <http://www.fao.org/3/ar426e/ar426e.pdf>. Tải về ngày 29.05.2021.
5. ICA (2021). Fact and Figure. <https://www.ica.coop/en/cooperatives/facts-and-figures>
6. IWDC (2021). Facts about Cooperatives. <https://www.iwdc.coop/why-a-coop/facts-about-cooperatives-1>
7. Nguyễn Công Tạn (2000). “Muốn kinh tế hộ tiến lên sản xuất hàng hóa, sẽ không thể không có HTX.” đăng trên Báo Nông nghiệp Việt Nam số ra ngày 18/10/2013.
8. Phùng Quốc Chí(2010). Phát triển hợp tác xã trong quá trình công nghiệp hóa đến năm 2020 ở Việt Nam, Luận án tiến sĩ, Viện chiến lược phát triển, 160 tr.
9. Rajas (2019). Cooperatives in India. <https://www.rajras.in/cooperatives-in-india/>
10. Russell A. Stone (2021). Israel. <https://www.britannica.com/place/Israel/Climate>
11. World co-operatives Monitor (2017), Exploring the co-operative economy report 2017, http://www.euricse.eu/wp-content/uploads/2017/11/WCM_2017-web-EN.pdf, tải về ngày 13/5/2018